

Những nguyên nhân cơ bản và điều kiện chủ yếu thúc đẩy di cư quốc tế

Nghiêm Tuấn Hùng*

*Viện Kinh tế và Chính trị thế giới, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam,
176 Thái Hà, Đống Đa, Hà Nội*

Nhận ngày 16 tháng 4 năm 2012

Tóm tắt: Di cư quốc tế là hiện tượng phổ biến trong lịch sử nhân loại. Có nhiều nguyên nhân khác nhau dẫn tới hiện tượng này, trong đó nguyên nhân về kinh tế là quan trọng nhất. Bên cạnh đó, một nguyên nhân quan trọng khác là xung đột và chiến tranh. Những biến động theo chiều hướng đi xuống của môi trường, các nguyên nhân liên quan đến yếu tố sắc tộc và văn hóa cùng mong muốn chủ quan của con người cũng góp phần thúc đẩy di cư quốc tế. Hiện tượng di cư quốc tế còn có thêm động lực thúc đẩy là những điều kiện nảy sinh trong môi trường của hệ thống quốc tế như toàn cầu hóa, sự phát triển của truyền thông liên lạc, thuận tiện của giao thông vận tải. Thêm nữa, một điều kiện thuận lợi cho con người có thể yên tâm hơn với những hành trình di cư là sự phát triển của lý luận về chủ nghĩa toàn cầu và các chương trình trợ giúp nhân đạo. Ngoài ra, tội phạm quốc tế đã và đang cung cấp những con đường di cư bất hợp pháp.

Di cư quốc tế vốn là vấn đề mang tính lịch sử và đã diễn ra trong suốt quá trình xuất hiện, tồn tại và phát triển của con người. Di cư quốc tế là kết quả của quá trình tương tác chính trị - kinh tế - văn hóa - xã hội phức tạp. Di cư quốc tế có thể trở thành nguồn cho những vấn đề mang tính quốc tế khác. Hiện nay, di cư quốc tế được Liên Hợp Quốc hay các tổ chức quốc tế cùng nhiều học giả nghiên cứu quốc tế coi là một trong những vấn đề toàn cầu có ảnh hưởng cùng thách thức lớn tới quan hệ quốc tế cũng như sự phát triển của từng cá nhân, từng quốc gia. Chính vì vậy, việc xác định lại những nguyên nhân và điều kiện thúc đẩy hiện tượng di cư quốc tế là cần thiết.

1. Những nguyên nhân cơ bản

Con người tiền sử đã thực hiện hoạt động di cư từ khu vực này sang khu vực khác trên bề mặt

trái đất từ hàng trăm nghìn năm trước. Nếu tính từ khi các nhà nước đầu tiên xuất hiện, lịch sử di cư quốc tế của loài người cũng đã kéo dài hàng nghìn năm. Có nhiều nguyên nhân khác nhau dẫn đến sự di cư của con người. Theo vấn đề, người di cư có thể di chuyển nơi cư trú bởi những nguyên nhân như kinh tế, đoàn tụ gia đình, học tập, môi trường... Nhìn chung, trong mỗi nguyên nhân đó thường chứa đựng những nhân tố đẩy và thu hút con người di cư. Nhân tố thúc đẩy người di cư gắn liền với đất nước mà họ đang muốn rời bỏ, thường là những vấn đề mà hậu quả của nó khiến con người muốn di chuyển nơi sinh sống. Nhân tố lôi kéo người di cư thường là những sự hấp dẫn ở những nước/vùng có điều kiện phát triển mà thu hút được sự chú ý của người khác.

1.1. Nhóm những nguyên nhân liên quan đến kinh tế

Trước hết, di cư được xác định là do sự khác biệt về thu nhập, sức hấp dẫn giữa các nền

* ĐT: 84-987271522.

E-mail: tuanhung_3110@yahoo.com

kinh tế cùng điều kiện sống. Lý thuyết Harris-Todaro (*Harris-Torado Model*) về mức thu nhập dự kiến cho rằng, những người tham gia vào thị trường lao động, cả trên thực tế lẫn trong tương lai, so sánh mức thu nhập dự kiến có được trong một khoảng thời gian dài nhất định ở khu vực thành thị (hay là cân nhắc chênh lệch giữa cái được và cái mất của việc di cư) với mức thu nhập trung bình đang có ở nông thôn, và sẽ di cư nếu như thu nhập dự kiến cao hơn thu nhập hiện có [1]. Điều kiện kinh tế thấp kém cũng thường đi với những sự yếu kém về điều kiện của y tế và giáo dục. Trước tiên, hoạt động di cư có thể chỉ là chuyển dịch từ vùng kém phát triển sang những vùng phát triển hơn trong phạm vi lãnh thổ nhưng thông thường thì kết quả không mấy khả quan vì điều kiện kinh tế yếu kém của cả nền kinh tế và do đó dẫn tới hiện tượng di cư quốc tế. Do vậy, có thể nói điều kiện kinh tế thấp kém và đói nghèo thúc đẩy tâm lý muốn ra đi của con người.

Trong khi đó, sự chênh lệch thu nhập, trình độ phát triển cùng khả năng tạo việc làm giữa các nền kinh tế phát triển với đang phát triển ngày càng sâu và rộng. Có một thực tế không thể phủ nhận là trình độ phát triển giữa các nước bán cầu bắc với bán cầu nam ngày càng giãn ra khiến tình trạng bất đối xứng về quy mô kinh tế và điều kiện sống tăng lên. Điều đó có nghĩa là, các khu vực phát triển với điều kiện làm việc tốt hơn sẽ thu hút được người di cư bởi đó là cơ hội cho họ tìm kiếm được những công việc ổn định với thu nhập cao hơn, được làm việc trong một môi trường chuyên nghiệp hơn, được sinh sống trong những môi trường tốt hơn với sự chăm sóc y tế đầy đủ hơn hoặc có cơ hội tiếp xúc với nền giáo dục tiên tiến. Ngày nay, sự khác biệt này không chỉ xảy ra giữa các nước phát triển với các nước đang phát triển mà còn tồn tại giữa những nước đang phát triển năng động với phần còn lại của thế giới. Chính vì vậy, khả năng, trình độ phát triển có nền công nghệ cao, nhiều việc làm chính là nhân tố giúp các nước thu hút người di cư đến từ những nước kém hoặc đang phát triển. Ví dụ điển hình là những luồng di cư từ Á-rập, Đông Nam Á,

châu Phi... hay nói chung là các nước đang phát triển sang các nước phát triển ở Tây Âu và Bắc Mỹ.

Thứ hai, di cư được xác định là do sự chênh lệch nhu cầu về nguồn nhân lực trong thị trường lao động việc làm giữa các nước phát triển và đang phát triển. Nhà nghiên cứu Arthur Lewis đã đưa ra mô hình hai khu vực (*Dual Sector Model*) để xác định một hướng giải quyết mối quan hệ giữa công nghiệp và nông nghiệp trong quá trình thực hiện mục tiêu tăng trưởng và phát triển. Lý thuyết chuyển dịch lao động giữa hai khu vực cũng có thể được áp dụng nhằm giải thích sự chuyển dịch lao động từ những nước nông nghiệp sang các nước công nghiệp phát triển. Mô hình này chỉ ra rằng khi khu vực nông nghiệp, ở mức độ tồn tại, có dư thừa lao động và lao động dư thừa này dần dần được chuyển sang khu vực công nghiệp. Sự phát triển của khu vực công nghiệp quyết định quá trình tăng trưởng của nền kinh tế, phụ thuộc vào khả năng thu hút lao động dư thừa do khu vực nông nghiệp tạo ra. Lý thuyết thị trường lao động kép (*Dual Labour Markets*) của Michael Piore cho rằng di cư quốc tế bắt nguồn từ những nhu cầu về lao động thực chất (bên trong) của các nước công nghiệp phát triển. Theo lý thuyết này di cư quốc tế xuất hiện là bởi vì các nước phát triển có nhu cầu về lao động nhập cư lâu dài, thường xuyên và những nước này đặc trưng cho một xã hội công nghiệp phát triển cũng như nền kinh tế của nó [2]. Đối với các nền kinh tế đang phát triển, khả năng tạo việc làm của nền kinh tế còn tương đối hạn chế.

Nhưng nói đi thì phải nói lại, dù nền kinh tế không tạo đủ công ăn việc làm nhưng cũng phải nhận thấy rằng, tốc độ tăng dân số quá nhanh ở các nước đang phát triển chính là một nguyên nhân gián tiếp thúc đẩy di cư quốc tế, khi số người trong độ tuổi lao động vượt quá số lao động mà thị trường cần. Tốc độ gia tăng dân số ở những nước kém và đang phát triển, đặc biệt là ở châu Phi, Mỹ La-tinh và các quốc đảo ở Ca-ri-bê, các nước Nam Á cũng dẫn tới hiện tượng di cư, cả di cư nội địa lẫn di cư quốc tế, cả di cư đến những nước trong khu vực lẫn di

cư đến những nước ở ngoài khu vực. Theo điều tra của Liên Hợp Quốc, trong giai đoạn 1950-1960, dân số các nước đang phát triển tăng gấp 2 lần các nước phát triển, con số này trong giai đoạn 1960-1985 là 3 lần [3]. Dân số thế giới tăng đặc biệt nhanh vào nửa sau của thế kỷ 20 khi tỉ lệ tăng dân số ở các nước đang phát triển lớn chưa từng có vì tỉ lệ sinh không giảm trong khi tỉ lệ chết giảm và tuổi thọ trung bình tăng cao. Tốc độ tăng dân số toàn cầu đạt mức cao nhất vào giai đoạn 1965-1970 khi tỉ lệ tăng đạt mức 2,04%/năm, đây cũng được coi là giai đoạn quả bom dân số bùng nổ [4]. Từ giữa những năm 1980, với chính sách dân số, tỉ lệ tăng tự nhiên giảm ở nhiều nước nhưng khu vực những nước đang phát triển ở châu Phi, châu Á nằm ngoài xu thế đó. Nói cách khác, tốc độ tăng lớn nhất thuộc về những quốc gia nghèo nhất, nơi cơ sở vật chất còn quá lạc hậu để thỏa mãn nhu cầu của người dân và khu vực các nước đang phát triển sẽ chiếm tới 4/5 dân số thế giới. Dân số tăng nhanh sẽ tiếp tục tạo áp lực lên những nước đang phát triển. Quan điểm dân số tăng sẽ mở rộng thị trường, kích thích tiêu dùng, tăng số lượng lao động và trở thành động lực để phát triển kinh tế đã trở nên lỗi thời nếu không muốn nói là sai lầm đối với trường hợp những nước đang phát triển có tốc độ tăng dân số cao khủng khiếp. Trong khi đó, tình cảnh đối nghịch về dân số xảy ra ở những nền kinh tế phát triển khiến nhu cầu về nguồn lao động ở những nước này tăng cao. Vì vậy, vấn đề dân số gắn với thị trường lao động, công ăn việc làm cũng là một nguyên nhân thúc đẩy hiện tượng di cư quốc tế.

Trong khi đó, nhiều nền kinh tế - chủ yếu là những nền kinh tế phát triển - đang phải đối mặt với sự thiếu hụt nguồn lao động. Các nước phát triển ở phương Tây đã và đang phải đối mặt với tình trạng già hóa dân số với hệ quả là sự thiếu hụt nguồn lao động. Ở châu Âu, dân số của các nước Tây Âu đang già đi nhanh chóng và xu thế này được cho là sẽ tiếp tục duy trì trong vài thập kỷ tới. Nguyên nhân cơ bản là các cặp vợ chồng châu Âu không muốn sinh (nhiều) con.

Theo một điều tra của *RAND Corp*⁽¹⁾. Năm 2005, tỉ lệ sinh của toàn châu Âu hiện nay thấp dưới mức cần thiết cho sự thay thế dân số trong khoảng 34 năm. Trong khi đó, những nền kinh tế đã ở ngưỡng cửa phát triển như khối các nước Ả-rập giàu có về dầu mỏ lại là những nước có dân số ít ỏi, không đáp ứng được cho nhu cầu của nền kinh tế. Hiếm có nước Ả-rập nào vừa dồi dào về dầu mỏ và khí đốt lại vừa có đủ nhân công, trừ An-giê-ri và Iraq. Trong số 6 nước thuộc Tổ chức hợp tác vùng Vịnh, 60% lực lượng lao động là người nước ngoài, cụ thể: ở Qatar là 90%, ở Các tiểu vương quốc Ả-rập thống nhất là 88,8%, ở Kuwait là 80,4%, ở Oman là 70% và ở Ả-rập Xê-út là 40% [5]. Hơn nữa, ở các nước phát triển nói chung, người lao động bản địa có trình độ cao gần như là sẽ không tìm các công việc phổ thông (như giúp việc gia đình, xây dựng...) với mức lương thấp, cường độ lao động tương đối nặng nề không thể thu hút nhân công người bản địa. Chính vì vậy, nhu cầu tìm kiếm nguồn lao động phổ thông từ nước ngoài sẽ còn tiếp tục.

Thứ ba, lý thuyết kinh tế học mới cho rằng, hoạt động di cư còn đi kèm với sự mong muốn phát triển hơn và đa dạng hoá khả năng kinh tế kinh tế. Lý thuyết này cho rằng sự khác biệt về mức lương không phải là điều kiện cần để hiện tượng di cư quốc tế xảy ra; và quyết định di cư không phải do ý chí của chính các cá nhân mà phụ thuộc phần lớn vào quyết định của gia đình. Các hộ gia đình không chỉ muốn tối đa hóa thu nhập dự kiến mà còn muốn tối thiểu hóa những rủi ro và giảm bớt đi những gánh nặng do những đổ vỡ hay thất bại do thị trường địa phương mang lại bởi những thất bại này ảnh hưởng trực tiếp tới phúc lợi và cản trở sự phát triển kinh tế của chính các hộ gia đình. Vì vậy, không ít trường hợp một gia đình với điều kiện kinh tế tương đối vững mạnh vẫn sẵn sàng để những người thân trong gia đình mình sang nước khác sinh sống và hoạt động kinh tế nhằm

⁽¹⁾ Research and Development Corporation (RAND Corp.) là tổ chức phi lợi nhuận chuyên nghiên cứu và điều tra xã hội nhằm tư vấn hoạch định thúc đẩy các chính sách phát triển.

tạo điều kiện cho sự phát triển hơn nữa về kinh tế và coi đó là chỗ dựa khi hoạt động kinh tế ở địa phương gặp khó khăn. Số liệu thống kê từ 71 nước đang phát triển cho thấy tỉ lệ nghèo giảm 2,1% khi tỷ lệ di cư lao động là 10% và giảm 3,5 % khi lượng tiền do những lao động này gửi về nước tăng 10% [6].

Trong những nguyên nhân cơ bản của hiện tượng di cư, nhóm những nguyên nhân liên quan đến kinh tế được coi là quan trọng nhất. Xét về cả thực tiễn lẫn lý thuyết, kinh tế gắn với cái ăn, cái mặc hay những nhu cầu cơ bản nhất của con người; trình độ phát triển kinh tế tỉ lệ thuận với mức sống. Trong khi đó, một nền kinh tế thành công không thể thiếu nguồn lao động, một nền kinh tế thừa lao động cũng không thể phát triển. Sự tương tác giữa di cư với kinh tế mang tính hai chiều, thể hiện ở tính chất kéo và đẩy, thể hiện rõ trong các nhóm các nguyên nhân di cư liên quan đến kinh tế.

1.2. Nguyên nhân liên quan đến xung đột và chiến tranh

Chiến tranh và xung đột cũng có lịch sử dài không kém gì di cư quốc tế. Có thể nói đây là nguyên nhân chủ yếu dẫn đến dòng người di cư trong thời đại ngày nay. Kể từ khi con người thường xuyên tiến hành những cuộc xung đột vũ trang thì những người tị nạn vì nguyên nhân này xuất hiện nhưng chỉ đến thế kỷ XX, khi những cuộc chiến tranh thế giới và khu vực diễn ra với mật độ dày đặc về số lượng và ác liệt về cường độ thì dòng người tị nạn⁽²⁾ đã tăng

⁽²⁾ Nhiều người sẽ đặt câu hỏi là liệu người tị nạn có được coi là một dạng của người di cư quốc tế hay không? Có nhiều khái niệm và tiêu chuẩn về người tị nạn được đưa ra ở hai cấp độ thế giới và khu vực nhưng với những biến đổi không ngừng của thực tiễn, các khái niệm, bộ tiêu chuẩn đó đã trở nên lỗi thời. Mỗi quốc gia trên thế giới đều có những chính sách, quy định riêng về tị nạn và chúng được điều chỉnh theo thực tình hình thực tế. Ngay trong giới nghiên cứu cũng chưa có sự thống nhất quan điểm người tị nạn. Nếu xem xét vấn đề tị nạn một cách kỹ lưỡng thì chúng ta vẫn có thể phân chia người tị nạn ra nhiều những dạng nhỏ. Như vậy, dù người tị nạn có thể di cũng di chuyên qua biên giới quốc tế nhưng vì tính phức tạp của mình, tị nạn nên trong nhiều công trình nghiên cứu, người

lên đột biến. Hiện tượng tị nạn theo nguyên nhân này thường chỉ mang tính chất tạm thời (người dân thường đi tránh chiến tranh), tuy nhiên cũng có những người xác định không quay trở lại miền đất cũ.

Chiến tranh Lạnh chấm dứt đã dẫn đến những thay đổi trong tình hình chính trị ở một số nước đã góp phần không nhỏ tác động đến hiện tượng di cư quốc tế. Sự tan rã của Liên Xô và hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu, đặc biệt là những nước cộng hòa liên bang khiến hiện tượng di cư trong nước trước kia đã chuyển thành di cư quốc tế. Ngoài ra, Chiến tranh Lạnh kết thúc không đồng nghĩa với sự chấm dứt của những cuộc nội chiến và xung đột khu vực. Trong nhiều quốc gia đang phát triển, cảnh sống nghèo nàn của người dân là một thực tế hết sức phũ phàng và không thể chối cãi. Chính điều kiện kinh tế nghèo nàn tạo ra nền tảng để gia tăng những cuộc xung đột bạo lực. Sự bất bình đẳng về kinh tế, sự nghèo đói là biểu hiện cho những ngược đãi bất công mà những người yếu thế phải chịu đựng khiến họ đưa ra quyết định tìm đến một nơi khác an toàn hơn cho cuộc sống của họ. Chính những xung đột đó làm cho tình hình kinh tế xã hội ở nhiều nước trở nên khó khăn và do đó, con người thường cố gắng tìm kiếm một nơi an toàn, ổn định để sinh sống và phát triển.

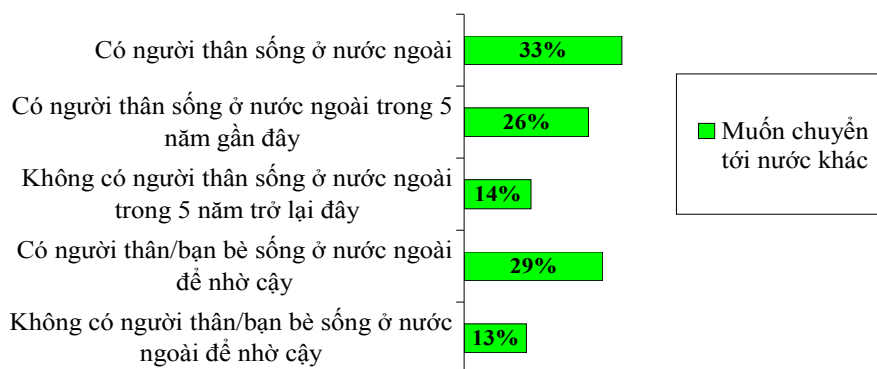
1.3. Di cư để đoàn tụ gia đình

Trong số những nguyên nhân cơ bản của di cư quốc tế, đoàn tụ gia đình cũng chiếm một vị trí quan trọng. Những người di cư thường vẫn giữ liên lạc với cộng đồng và gia đình ở nơi người đó ra đi. Sau một thời gian, nếu người di cư có được những điều kiện cơ bản thuận lợi đảm bảo được cuộc sống cho gia đình và người thân có ý định đoàn tụ gia đình thì việc di cư hoàn toàn có thể xảy ra. Đây là hiện tượng rất phổ biến và cũng thường gắn với những người xuất phát từ những nền kinh tế đang hoặc kém

tị nạn hay vấn đề tị nạn được coi là vấn đề nghiên cứu một cách tách biệt khỏi vấn đề di cư quốc tế.

phát triển. Di cư để đoàn tụ gia đình nhấn mạnh vai trò của các cộng đồng xuyên quốc gia. Theo một điều tra xã hội học của Gallup (Mỹ)⁽³⁾, một nhân tố bên trong số những người thuộc dạng di cư tiềm năng nói rằng họ muốn chuyển vĩnh viễn tới một nước khác có điều kiện phát triển con người cao hơn nhưng quan trọng hơn hết là khả năng kết nối với người thân, bạn bè ở nước ngoài. Trong cuộc điều tra thực hiện tại 103

nước với 101.380 người (trên 15 tuổi) trực tiếp trả lời trong hai năm 2008 và 2009, với câu hỏi: nếu có cơ hội, bạn muốn chuyển sang sống vĩnh viễn ở một nước khác hay muốn tiếp tục sống ở nước mình? Viện Gallup đã thu thập được những câu trả lời, trong đó tỉ lệ số người muốn di cư khi không có người thân/bạn bè chỉ bằng một nửa số người nhận sẽ được sự giúp đỡ gần gũi như biểu đồ 1:



Biểu đồ 1: Tỉ lệ người muốn di cư vĩnh viễn theo điều tra của Gallup.

Nguồn: <http://www.gallup.com/poll/126065/Makes-700-Million-Adults-Migrate.aspx>

Kết quả điều tra này cho thấy tầm quan trọng của các mạng lưới xã hội xuyên quốc gia đối với hoạt động di cư. Những người trả lời điều tra có người thân hay bạn bè sống ở nước ngoài rõ ràng là có tâm lý muốn di cư mạnh hơn so với những đối tượng còn lại. Lợi thế của hoạt động di cư theo dạng đoàn tụ gia đình là có thể hạn chế khá nhiều rủi ro trong quá trình di cư, đặc biệt là với phụ nữ và trẻ em, những người có xu hướng dựa dẫm hơn đàn ông trong quá trình này.

1.4. Di cư vì vấn đề môi trường

Trong lịch sử, giữa sự biến đổi của môi trường và hoạt động di cư⁽⁴⁾ có một mối liên hệ

chặt chẽ. Môi trường biến đổi có thể do nhiều nguyên nhân khác nhau, cả do môi trường tự biến đổi lẫn những tác nhân từ hoạt động của con người, nhưng đó lại là một động lực thúc đẩy con người thay đổi nơi cư trú. Biểu hiện của sự xuống cấp của môi trường không chỉ đơn thuần là tình trạng nóng lên của trái đất hay

“Climate Refugees”, “Environmental Migrants” hay theo cách gọi của Chương trình môi trường Liên Hợp Quốc (UNEP) là “Environmentally Induced Migrants”... Thực tế, biến đổi khí hậu chỉ là một phần của biến động trong môi trường sinh thái nên thuật ngữ “Climate Refugees” dường như chỉ diễn tả một phần nguyên nhân của sự việc. Hơn nữa, ngay giữa các tổ chức quốc tế, trong giới học thuật và truyền thông cũng không thống nhất việc dùng thuật ngữ nào. Theo ý kiến riêng của tác giả, *những cá nhân/nhóm người phải di chuyển lánh nạn một cách cấp tính do thiên tai có thể được coi là người tị nạn môi trường, còn những cá nhân/nhóm người thay đổi nơi cư trú vĩnh viễn vì nguyên nhân môi trường tự nhiên biến đổi có thể được coi là người di cư vì môi trường*. Hiện tượng di cư và di cư vĩnh viễn vì sự biến động của môi trường là đối tượng được đề cập trong bài viết này.

⁽³⁾ Gallup là tổ chức chuyên thực hiện thăm dò dư luận và tư vấn cho lãnh đạo các chính phủ, tổ chức hay doanh nghiệp nâng cao khả năng tổ chức quản trị thông qua tìm hiểu tâm tư, suy nghĩ, hành vi của những bên liên quan.

⁽⁴⁾ Liên quan vấn đề di cư vì môi trường, có một vài thuật ngữ thường được sử dụng là “Environmental Refugees”,

biến đổi khí hậu mà còn là vấn đề ô nhiễm đất, nguồn nước hay hệ vi sinh.

Sự biến động của môi trường luôn đi kèm với những thách thức về mặt xã hội, nhân khẩu hay kinh tế. Sự xuống cấp của môi trường có vẻ là một nguyên nhân gần nhất của nạn di cư, còn những yếu tố cơ bản là áp lực tăng dân số và các cách thức sử dụng tài nguyên [7]. Sự xuống cấp của môi trường gắn liền với quá trình phát triển của các nền kinh tế và mức sống của con người. Thiên tai, lũ lụt có thể gây ra hiện tượng di cư cấp tính nhưng ô nhiễm nguồn đất, nước hay nước biển dâng sẽ dẫn tới di cư vĩnh viễn. Rõ ràng, sự biến động về nhân khẩu với quy mô lớn luôn được thúc đẩy bởi những biến động của môi trường và các quá trình liên quan. Với bản năng sinh tồn, con người phải tìm đến những địa điểm với điều kiện tự nhiên đảm bảo cho cuộc sống. Như vậy, sự biến động của môi trường cũng được coi là một nhân tố chủ yếu thúc đẩy di cư quốc tế.

1.5. Nguyên nhân liên quan đến sắc tộc và văn hóa

Hiện tượng di cư quốc tế còn bắt nguồn từ những vấn đề liên quan đến sắc tộc, văn hóa và tôn giáo. Khi khái niệm về chủ quyền quốc gia còn mơ hồ, những nhà nước vẫn tồn tại nhưng sự dịch chuyển của con người không gặp quá nhiều khó khăn, cản trở về pháp lý vì những đường biên giới chính trị còn mờ, chỉ mang tính biểu tượng nhằm phân định lãnh thổ. Do vậy, sự chuyển dịch của các nhóm văn hóa, tôn giáo qua biên giới cũng không gặp nhiều trở ngại. Người ta có thể tìm đến những nơi thích hợp để sinh sống và thực hành tôn giáo.

Khi một nhóm sắc tộc và tôn giáo vốn chia sẻ những giá trị, bản sắc chung bị “xé lẻ” và sinh sống trên những vùng đất liền kề thuộc những quốc gia gần nhau, biên giới trong nhận thức chung của các cộng đồng sắc tộc và tôn giáo không trùng với biên giới giữa các nhà nước. Những nhóm đó thường chỉ là thiểu số trong cộng đồng xã hội. Sự tương tác giữa họ với phần còn lại của quốc gia có khi không lớn

bằng tâm lý hướng về những người anh em cùng sắc tộc ở bên kia biên giới. Đồng thời, nhìn lại lịch sử, trong quá trình bành trướng lãnh thổ, các đế chế không ngại sáp nhập những vùng đất và các nhóm người thuộc những nền văn hóa khác nhau. Chính điều này đã tạo ra sự đa dạng về văn hóa. Giống như trường hợp các dân tộc thiểu số, hầu hết các nhóm văn hóa nhỏ cũng sống ở những vùng “ngoại vi” và sự tương tác với những giá trị chủ đạo không thể chắc chắn bằng sợi liên kết với những người chia sẻ chung một nền văn hóa. Trong trường hợp này, nhiều nhóm người muốn di chuyển đến vùng đất nơi họ có chung những giá trị về dân tộc và bản sắc văn hóa. Do vậy, sự tương tác giữa các nhóm dân tộc, văn hóa bị chia rẽ cũng có thể được coi là một nguyên nhân cơ bản dẫn tới hiện tượng di cư quốc tế.

Tóm lại, nguyên nhân của di cư còn có thể có nhiều hơn nữa nhưng nói chung, những nguyên nhân nói trên có thể được coi là những nhân tố chính gây ra hiện tượng di cư nói chung và di cư quốc tế nói riêng trong các thời kỳ lịch sử. Những nguyên nhân đó có thể mang tính bất buộc nhưng cũng thể hiện ý chí và nguyện vọng tự do của con người. Đến thời kỳ sau Chiến tranh Lạnh, những nguyên nhân và điều kiện mới đã xuất hiện góp phần thúc đẩy hiện tượng di cư phát triển.

2. Những điều kiện mới thúc đẩy di cư quốc tế

Xã hội loài người phát triển không ngừng. Khi xã hội càng phát triển, những điều kiện mới bổ sung cho di cư quốc tế cũng nảy sinh theo. Đặc biệt, Chiến tranh Lạnh kết thúc đã mở ra một thời kỳ mới trong lịch sử: thời kỳ toàn cầu hoá, khu vực hóa phát triển mạnh mẽ. Cũng từ thời điểm đó, nhiều cơ hội và điều kiện mới đã xuất hiện dồn dập hơn nữa, kết hợp với những nguyên nhân cơ bản để thúc đẩy hiện tượng di cư quốc tế lên một mức độ cao chưa từng có tiền lệ trong lịch sử loài người.

Trước hết, toàn cầu hóa thị trường lao động là điều kiện quan trọng đầu tiên thúc đẩy di cư

quốc tế. Theo lý thuyết hệ thống thế giới (*World Systems Theory*) của Immanuel Wallerstein thì di cư là kết quả hết sức tự nhiên và cũng là điều không thể tránh khỏi trong quá trình phát triển của chủ nghĩa tư bản [8]. Theo đó, di cư quốc tế gắn với việc hình thành thị trường tư bản ở các nước đang phát triển hay sự thâm nhập của kinh tế tư bản vào thị trường các nước đang phát triển; đồng thời, dòng lao động di cư quốc tế chạy theo dòng hàng hóa, dịch vụ và vốn quốc tế. Trong thời kỳ toàn cầu hóa, hiện tượng di cư đang thay đổi cùng với thị trường lao động và các xã hội đã trở nên “toàn cầu hơn”. Một nhà quản lý từ một công ty của Anh hay Mỹ có thể tới Trung Quốc để đào tạo công nhân trong những ngành sản xuất mới, một giáo sư từ châu Âu có thể tới sống ở Úc và giảng dạy ở Hồng-kông hay một y tá được đào tạo ở Phi-lip-pin lại làm việc ở Đu-bai... [9] Với xu thế toàn cầu hóa như hiện nay, một thị trường lao động toàn cầu là có thể. Công nghệ phát triển sẽ đóng vai trò quan trọng, kinh tế tri thức sẽ phát huy tính sáng tạo và thúc đẩy các thị trường toàn cầu. Tuy nhiên, toàn cầu hóa thị trường lao động còn gặp nhiều thách thức. Trong bối cảnh đó, sẽ cần nhiều thập kỷ để nền kinh tế toàn cầu có thể thành lập một thị trường lao động thực sự.

Thứ hai, toàn cầu hóa đã mang lại nhiều lợi ích, nhưng cũng không thể bỏ qua mặt trái của quá trình này. Toàn cầu hóa đã làm gia tăng khoảng cách phát triển giữa những nước giàu nhất và nghèo nhất thế giới. Số lượng những người nghèo sống với thu nhập dưới 1 USD/ngày vào khoảng 1,2 tỉ người, tăng cao hơn so với thời kỳ giữa thập kỷ 1980. Sự thụt lùi đáng kể nhất nằm ở các nước châu Phi, nơi chứa đựng 29 trong tổng số 34 quốc gia nghèo nhất thế giới, nơi mà các loại dịch bệnh đang đe dọa tính mạng con người và làm trầm trọng thêm tình trạng kinh tế vốn đã tồi tệ [10]. Toàn cầu hóa có tác động bất bình đẳng tới cả bán cầu Bắc và Nam. Trong khi các nước phát triển ở Bắc Mỹ hay Tây Âu tiếp tục cuộc sống giàu có thì tình hình một số nước Đông Âu có vẻ đi xuống. Tình trạng phân hóa còn diễn ra trong

các nước thuộc bán cầu Nam bởi trong khi nhiều nước đang dần thoát nghèo thì hàng chục quốc gia hiện nay lại nghèo hơn so với 20 năm trước. Trong khi Trung Quốc và Đông Nam Á cùng một số nước Mỹ La-tinh đang dần thoát khỏi tình trạng khó khăn thì nhiều nước châu Phi ngày càng lún sâu vào nghèo đói.

Như vậy, toàn cầu hóa đã, đang và sẽ tạo ra người thắng-kẻ thua, với hàng tỉ người nghèo nhất đang phải gánh chịu những tác động tiêu cực. Trong tình cảnh này, rõ ràng toàn cầu hóa và phân hóa giàu nghèo Bắc-Nam đang góp phần thúc đẩy thêm những nguyên nhân liên quan đến kinh tế-xã hội, tạo điều kiện cho hoạt động di cư quốc tế phát triển.

Thứ ba, tuy phải đối mặt với nhiều vấn đề, nhiều quốc gia đã có những chính sách thu hút người di cư quốc tế do nhu cầu về lao động và mục tiêu phát triển kinh tế bằng cách nới lỏng chế độ pháp luật, tạo thuận lợi hơn cho chính sách nhập cư và tái nhập cư. Nhiều nước đã tiến hành thực hiện các chính sách nhập cư với những luồng di cư khác nhau thông qua hệ thống visa nhập cảnh đa dạng. Tiếp tục đề cập đến trường hợp di cư giữa Trung Quốc và Đông Nam Á ở trên, từ đầu những năm 1990, các nước Đông Nam Á đã thực hiện nới lỏng quy chế cấp visa cho người Trung Quốc, đồng thời mở nhiều lãnh sự quán hoặc tổng lãnh sự quán ở các tỉnh phía Nam nước này để việc cấp visa trở nên dễ dàng hơn, đỡ tốn kinh phí và thời gian hơn là xin visa từ các đại sứ quán [11]. Đối với dân di cư, đây cũng là một phương thức hạ thấp chi phí cho hoạt động di chuyển. Bên cạnh đó, nhiều chính phủ cũng tìm cách thu hút kiều bào và kiều hối, các nước đang phát triển thường tìm cách đưa ra sử dụng những sáng kiến mới để thu hút nhân tài cho địa phương mình. Bằng cách tạo ra những khung pháp lý cho phép người dân mang hai quốc tịch hay thực hiện chế độ kiều dân cởi mở, các nước đang phát triển thu hút ngày càng nhiều số người nhập cư. Đặc biệt, quy chế hai quốc tịch mang lại lợi ích cho cả người di cư khi họ vẫn giữ được quốc tịch cũ hoặc được đối xử như những công dân thực sự. Quy chế này cũng

giúp người đã di cư duy trì cảm giác gần gũi với quê hương.

Thứ tư, những cuộc cách mạng về công nghệ truyền thông liên lạc và tiến bộ trong lĩnh vực giao thông vận tải là điều kiện khuyến khích hiện tượng người di cư xuất phát từ những nước thuộc Thế giới thứ ba.

Dường như thông qua những phương tiện truyền thông toàn cầu, những cơ hội và sự thu hút của những nền kinh tế phát triển được truyền tải tới người dân các nước đang phát triển, khiến họ sẵn sàng đối mặt với thách thức, rủi ro của những cuộc di cư. Truyền thông liên lạc phát triển cũng giúp người di cư không cảm thấy bị ngăn cách với người thân ở nước nhà. Trong thời đại bùng nổ thông tin, khoảng cách dễ dàng bị xóa mờ bởi các thiết bị truyền thông liên lạc hiện đại.

Sự phát triển của giao thông vận tải giúp con người di chuyển dễ dàng hơn giữa các khu vực. Người di cư trong cự ly ngắn có thể lựa chọn những phương tiện như tàu hỏa, ô tô với ra tương đối rẻ, trong khi đó, giao thông đường không cũng phát triển rất nhanh với nhiều hãng bay có số chuyến bay tăng dần theo thời gian cùng lộ trình hợp lý. Thêm vào đó, sự cạnh tranh giữa các hãng bay khiến trong cùng mực nào đó, giá thành bay ngày càng rẻ. Ví dụ như trong trường hợp di chuyển giữa Trung Quốc với Đông Nam Á, trong thập kỷ 1990, việc di chuyển hai chiều còn gặp nhiều khó khăn khi chỉ có một số tuyến đường bộ, đường sắt nối các tỉnh biên giới phía Nam Trung Quốc với các nước Đông Nam Á lục địa như Việt Nam, Lào, Mi-an-ma... còn muốn di chuyển đường không thường phải quá cảnh ở Hồng-kông. Sau thập niên 1990, cùng với sự phát triển của quan hệ chính trị, kinh tế giữa các nước Đông Nam Á và Trung Quốc, số lượng người di chuyển giữa hai khu vực tăng lên, kèm theo đó là sự phát triển vượt bậc cả về số lượng và chất lượng các chuyến vận tải, từ đường sắt, đường bộ đến đường không. Đến đầu năm 2007 đã có gần 40 công ty hàng không kinh doanh các đường bay với số chuyến bay lên đến 800 lượt bay mỗi tuần, chuyên trở hàng vạn lượt hành khách [12]. Rõ ràng, sự phát triển của công nghệ và giao

thông đã trở thành một điều kiện quan trọng bổ sung cho những động lực thúc đẩy hiện tượng di cư quốc tế.

Thứ năm, Chủ nghĩa toàn cầu đang nổi lên trong cả lý luận và thực tiễn quan hệ quốc tế cùng sự thay đổi trong quan niệm về nhân quyền cùng các chương trình trợ giúp nhân đạo cũng có thể coi là điều kiện tác động đến sự phát triển của di cư quốc tế.

Theo quan điểm của chủ nghĩa toàn cầu, sự xuất hiện và nổi lên của các vấn đề toàn cầu khiến cách tiếp cận giải quyết vấn đề từ góc độ quốc gia không còn phù hợp, thay vào đó là cách tiếp cận toàn cầu; đồng thời, chủ nghĩa toàn cầu nhấn mạnh lợi ích chung và sự cần thiết của các chủ thể phi quốc gia trong giải quyết vấn đề. Rõ ràng, trong thực tế ngày nay di cư quốc tế không phải là vấn đề của riêng nước nào, và không thể được giải quyết bởi từng quốc gia riêng lẻ. Các quốc gia ngày càng có ý thức hơn trong việc hợp tác quản lý di cư và khai thác lợi ích và giảm thiểu những mặt hạn chế mà hoạt động này mang lại.

Sự xuất hiện của các tổ chức quốc tế ở cấp độ toàn cầu có nhiệm vụ quản lý và bảo vệ người di cư cùng các chương trình trợ giúp nhân đạo là bằng chứng rõ nét cho thấy tầm quan trọng và vai trò của một hình thức quản trị toàn cầu, ít nhất là trong lĩnh vực này. Với sự phát triển của nhân quyền, quyền lợi của người di cư quốc tế - nhất là người lao động hợp pháp - đã được đảm bảo. ILO, IOM, UNHCR... là những tổ chức quốc tế có chức năng giám sát, đảm bảo quyền lợi của người di cư và thực tế hoạt động của họ cũng ít nhiều mang lại hiệu quả. Chẳng hạn, ILO đã thúc đẩy các hoạt động hợp tác quốc tế về di chuyển lao động, bảo vệ người di cư, thiết lập các kênh đưa người di cư đi làm việc hợp pháp, tin cậy và hiệu quả [13]. Bên cạnh đó, sự hợp tác giữa các quốc gia trong việc đảm bảo quyền và lợi ích của người di cư ở quê nhà như quyền bầu cử, tham gia vào các hoạt động chính trị... hay cách chương trình hợp tác tạo thuận lợi đưa người di cư hồi hương cũng là một điều kiện quan trọng giúp người di cư cảm thấy an toàn hơn, quyền lợi được đảm bảo hơn.

Cuối cùng, cùng với quá trình toàn cầu hóa kinh tế và thị trường lao động và sự phát triển của các lĩnh vực khác, tội phạm quốc tế có tổ chức cũng ngày càng phát triển với nhiều hình thức hoạt động đa dạng. Theo nhận định của các chuyên gia phòng chống tội phạm của Liên Hợp Quốc, tội phạm xuyên quốc gia sẽ một trong những là vấn đề lớn nhất mà nhân loại sẽ phải đối diện trong thế kỷ XXI, cũng giống như Chiến tranh Lạnh trong thế kỷ XX và Chủ nghĩa đế quốc của thế kỷ XIX. Tội phạm quốc tế động chạm tới mọi lĩnh vực của quan hệ quốc tế từ kết cấu xã hội, chính trị đến hệ thống tài chính của nhiều quốc gia do sự gia tăng về quyền lực kinh tế của các tổ chức tội phạm quốc tế. Sự phát triển của loại hình tội phạm xuyên quốc gia chính là một nguyên nhân gián tiếp làm gia tăng nhanh chóng nạn buôn người trái phép qua biên giới và số lượng người di cư bất hợp pháp, đặc biệt là khi người di cư không đáp ứng được những tiêu chuẩn nhập cư tối thiểu. Những người sử dụng dịch vụ di cư bất hợp pháp do tội phạm cung cấp thường xuất phát từ những nền kinh tế yếu kém, không có trình độ học vấn hoặc chuyên môn đáng kể.

Chính các biện pháp thắt chặt số lượng người nhập cư hợp pháp đã làm cho nạn di cư bất hợp pháp ngày càng trở thành một vấn đề nhạy cảm, phức tạp và khó khắc phục mà cộng đồng thế giới đang phải đối mặt. Cơ hội việc làm đóng vai trò chủ đạo trong việc khuyến khích lao động di cư bất hợp pháp. Bọn buôn người và những tổ chức đưa người di cư bất hợp pháp thường tìm đến những người thất nghiệp, nghèo khổ, những ai không được bảo vệ bằng an sinh xã hội để thuyết phục, lừa đảo về một cuộc sống và công việc tốt đẹp hơn.

Như vậy, cùng với sự phát triển của xã hội loài người và đặc biệt là sự biến đổi của môi trường quốc tế sau khi Chiến tranh Lạnh kết thúc, bên cạnh những nguyên nhân cơ bản, cùng với quá trình toàn cầu hoá và sự thay đổi tình hình thế giới, một thời kỳ mới được mở ra đã tạo rất nhiều điều kiện mới thúc đẩy sự phát triển của nhiều vấn đề toàn cầu, trong đó có hiện tượng di cư quốc tế.

Hiện tượng di cư quốc tế đã xảy ra hàng nghìn năm trong lịch sử. Đã có nhiều những nguyên nhân cơ bản mang tính thúc đẩy hay lôi kéo con người di cư nhưng rõ ràng các nhân tố thuộc lĩnh vực kinh tế có tác động mạnh nhất đến quyết định di cư của con người; bên cạnh đó còn hàng loạt những nguyên nhân khác mang tính chất xung đột hay lý do cá nhân. Cùng với sự phát triển của cuộc sống xã hội loài người, những điều kiện mới đã xuất hiện và bổ sung đáng kể cho những nguyên nhân cơ bản khiến hiện tượng di cư quốc tế hiện nay diễn ra ở mức độ lớn chưa từng có trong lịch sử. Chắc chắn, những nguyên nhân và điều kiện trên sẽ còn biến đổi và được bổ sung thêm nữa trong thời gian tới; vì thế, di cư quốc tế sẽ còn là mối quan tâm hàng đầu của loài người trong thế kỷ XXI này.

Tài liệu tham khảo

- [1] Võ Thị Minh Lệ, Tổng quan lý luận về di chuyển lao động, *Tạp chí Nghiên cứu Châu Phi và Trung Đông*, tập 49, số 9 (2009), 34.
- [2] Võ Thị Minh Lệ, *Tài liệu đã dẫn*, 2009, tr. 32, 36.
- [3] Nguyễn Trần Quế, *Những vấn đề toàn cầu ngày nay*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1999.
- [4] Nguyễn Trọng Chuẩn (Chủ biên), *Những vấn đề toàn cầu trong hai thập niên đầu của thế kỷ 21*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006.
- [5] Thông tấn xã Việt Nam, Tình hình di cư đến các nước vùng Vịnh, *Tài liệu tham khảo đặc biệt*, số 109 (2009) 19.
- [6] Richard Adams Jr. and John Page (2003), *The Impacts of International Migration and Remittances on Poverty*, <http://www.livelihoods.org/hot-topics/docs/RemitImpact.doc>
- [7] Astri Suhrke, Environmental Degradation and Population Flows, *Journal of International Affairs*, Vol. 47 (1994) 473.
- [8] Douglas S. Massey, Theories of International Migrations: A Review and Appraisal, *Population and Development Review*, No. 3, Vol. 19 (1993) 444.
- [9] United Nations, *Globalization and interdependence: International migration and development*, <http://www.unhcr.org/protect/PROTECTION/44d711a82.pdf>, 2006.
- [10] Joshua S. Golstein, *International Relations*, Longman Pearson Publisher, New York, 2005.

[11] Thông tấn xã Việt Nam, Kinh tế và di dân: Bước phát triển mới trong quan hệ Trung Quốc - Đông Nam Á, *Tài liệu tham khảo đặc biệt ngày 12/5* (2009) 16.

[12] Thông tấn xã Việt Nam (2009), *Tài liệu đã dẫn*, tr. 15.

[13] Nguyễn Bình Giang (chủ biên), *Di chuyển lao động quốc tế*, NXB Khoa học Xã hội, 2011.

Fundamental Causes and Major Circumstances Fostering International Migration

Nghiêm Tuấn Hùng

*Institute of World Economics and Politics, Vietnam Academy of Social Sciences,
176 Thái Hà, Đống Đa, Hanoi, Vietnam*

International migration is a popular phenomenon in human history. There have been some major causes so far. Among those, economic causes, which are often considered as push and pull factors, are the most important. Other crucial causes are conflicts and wars which have never ceased. Degraded environmental changes, causes related to ethnical and cultural issues and human subjective desirousness also enhance international migration. Furthermore, international migration is also boosted by international systems' conditions and circumstances which have been created due to socio-economic development. The process of globalization, which has brought us either advanced values for development or negative influences, has added motivations to international migration. The booming advancement of mass media as well as convenient types of transport enable international migrants to keep in contact and travel more easily. Additionally, one more convenient circumstance that helps migrants feel more secured is the development of globalism and international humanitarian assistance programmes. Internationally organized crimes in general and human-trafficking crimes in particular have provided illegal migrating options.